TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2023/QĐST- DS	*Thới Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: 1/ Bà **Bùi Thị M**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 447, ấp Thới T, thị trấn Thới L, huyện T, thành phố C.

2/ Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu vực 5, phường C, quận Ô M, thành phố C.

3/ Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Thới Ph, xã X, huyện T, thành phố C.

Bà **Bùi Thị L** ủy quyền cho bà **Bùi Thị M**. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2021.

Bị đơn: Bà **Bùi Thị M**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện T.**

Địa chỉ: Khu hành chính huyện T - ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện T, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu T** - Chuyên viên. Theo văn bản ủy quyền số: 33/CV.QLDA&PTQĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022.

2/ Ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1974.

3/ Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1969.

4/ Bà **Bùi Thị U**, sinh năm 1982.

5/ Bà **Ngô Thị B**, sinh năm 1938.

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Thới P, thị trấn Thới L, huyện T, thành phố C.

6/ Ông **Bùi Hồng N**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

7/ **Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn B.**

Địa chỉ: ấp Thới Khánh A, xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

1/ Luật sư **Lê Văn P** – Văn phòng luật sư Thúy P, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị M là nguyên đơn trong vụ án.

2/ Luật sư **Trần Thị M** – Văn phòng luật sư **Thế T**, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị M là bị đơn trong vụ án.

2. **Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

Các đương sự thống nhất hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/7/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B.

Buộc bà Bùi Thị M tách thửa sang tên cho bà Bùi Thị M được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.000 m^2 loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 596 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí D của Bản trích đo địa chính số: 390/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Buộc bà Bùi Thị M tách thửa sang tên cho bà Bùi Thị L được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.000 m^2 loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 596 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí C của Bản trích đo địa chính số: 390/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Buộc bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B tách thửa sang tên cho bà Bùi Văn Đ được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 3.135 m^2 loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 596 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí A của Bản trích đo địa chính số: 390/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Bà Bùi Thị M được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 2.484 m^2 loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 596 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí A của Bản trích đo địa chính số: 390/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Buộc bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B tách thửa sang tên cho bà Bùi Văn Đ được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.004, 2 m^2 loại đất CLN, tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 136 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí A của Bản trích đo địa chính số: 510/TTKTTNMT ngày 26/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Buộc bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B tách thửa sang tên cho ông Bùi Hồng N được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 632,7 m^2 (diện tích trong HLLG 45,8 m^2) m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 136 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí B của Bản trích đo địa chính số: 510/TTKTTNMT ngày 26/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Buộc bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B tách thửa sang tên cho bà Bùi Thị T được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích: 237,8 m^2 CLN (diện tích trong HLLG 82,1 m^2) tờ bản đồ số 01, thuộc một phần thửa 136 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tại vị trí C của Bản trích đo địa chính số: 510/TTKTTNMT ngày 26/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Buộc bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B tách thửa sang tên cho bà Bùi Thị L được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.437,8 m^2 loại đất CLN (có 135,9 m^2 đường vào mộ) có 77,7 m^2 HLLG; Trong đó: Vị trí A: diện tích 734,6 m^2 (có 44,5 HLLG); Vị trí B: diện tích: 703,2 m^2 (trong đó có 135,9 đường vào mộ), diện tích trong HLLG là 33,2 m^2, thuộc thửa 524, tờ bản đồ số 01, đất toạ lạc tại ấp Thới Phong B, xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số: 13/TTKTTNMT ngày 24/3/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B thống nhất là bà Bùi Thị M được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.657,7 m^2 loại đất BHK, tờ bản đồ số 01, thuộc thửa 597 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai,

thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số: 391/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Bà Bùi Thị M và bà Ngô Thị B thống nhất là bà Bùi Thị M được hưởng và sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 2.439,3 m^2 loại đất BHK, tờ bản đồ số 01, thuộc thửa 209 đất toạ lạc tại ấp Thới Phong B, xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số: 392/TTKTTNMT ngày 08/5/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ (đính kèm quyết định).

Bà Bùi Thị M có trách nhiệm nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00128 do Uỷ ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp cho hộ Bùi Văn Khoảnh ngày 14/5/2001.

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00128 do Uỷ ban nhân dân huyện Ô Môn (cũ) cấp cho hộ ông Bùi Văn Khoảnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo vị trí và diện tích cụ thể theo các bản trích đo địa chính trên cơ sở yêu cầu của đương sự.

Đối với các công trình vật kiến trúc trên đất các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết mà thuộc vị trí đất của ai được hưởng, sử dụng là của người đó. Các đương sự thống nhất không tính giá công trình vật kiến trúc để tính án phí (do không có yêu cầu ghi nhận trong quyết định).

Phần tiền lãnh bồi thường giải phóng mặt mặt bằng, ông Bùi Văn Đ và bà Bà Bùi Thị M đã lãnh xong, không ai yêu cầu Toà án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị U do bà U xin rút yêu cầu.

Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp: Bà Bùi Thị M, Bùi Thị L và bà Bùi Thị L tự nguyện chịu nộp 10.000.000 đồng, bà M đã nộp tạm ứng và chi thực tế xong (Bà M không yêu cầu bà L và bà L phải trả lại). Bà Bùi Thị M nộp tạm ứng thêm 3.000.000 đồng và đã chi thực tế. Bà Bùi Thị M, ông Bùi Văn Đ và bà Ngô Thị B tự nguyện chịu nộp 13.000.000 đồng, bà Bùi Thị M đã nộp tạm ứng 10.000.000 và chi thực tế xong (Bà M không yêu cầu bà B và ông Đ phải trả lại). Bà Bùi Thị M có trách nhiệm nộp lại 3.000.000 đồng để trả cho bà Bùi Thị M.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị M, bà Ngô Thị B, ông Bùi Hồng N và bà Bùi Thị L.

Buộc bà Bùi Thị M có trách nhiệm chịu nộp 2.250.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 015631 ngày 28/5/2020 thành tiền án phí. Buộc bà Bùi Thị M có trách nhiệm nộp tiếp 1.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Bùi Thị L có trách nhiệm chịu nộp 2.250.000 đồng.

Buộc bà Bùi Thị L có trách nhiệm chịu nộp 4.529.000 đồng.

Buộc bà Bùi Thị T có trách nhiệm chịu nộp 749.000 đồng. Chuyển số tiền 749.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005947 ngày 12/01/2023 thành tiền án phí. Hoàn trả cho bà Bùi Thị T số tiền 751.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005947 ngày 12/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Buộc ông Bùi Văn Đ có trách nhiệm chịu nộp 10.173.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005948 ngày 12/01/2023 thành tiền án phí. Buộc ông Bùi Văn Đ có trách nhiệm nộp tiếp 8.673.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị U số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005946 ngày 12/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Tuyên